TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **138**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2025
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Thanh Trà** – Bà **Nguyễn Thị Cúc.**

- Thư ký phiên toà: Bà **Võ Thị Tới** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Lê Nguyên Hạnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Ngọc V - sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: 04 đường C, phường H, TP Đà Nẵng.

Địa chỉ liên hệ: Số A đường Hải Phòng, phường H, TP Đà Nẵng.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương D - Sinh năm 1982. Vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số D đường C, phường H, TP Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương D: Ông Nguyễn Tấn P – Luật sư Công ty L; Địa chỉ: Số C đường L, phường T, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Trần Ngọc V trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng (nay UBND phường H, TP Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường N, quận S, TP Đà Nẵng. Quá trình chung sống

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do quan điểm sống không còn phù hợp với nhau, mọi vấn đề cả hai vợ chồng đều rất khó khăn để có thể thống nhất hay đồng thuận. Những lần phát sinh mâu thuẫn vợ chồng dần trở nên xa cách và mất dần tình cảm, không còn trân trọng, quan tâm đến suy nghĩ, hành động của nhau, thậm chí còn coi thường ý kiến của nhau làm ảnh hưởng rất nhiều đến cuộc sống gia đình và con cái. Mặc dù ông Trần Ngọc V đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, tình trạng căng thẳng vẫn tiếp tục kéo dài. Vợ chồng đã sống ly thân, bà Nguyễn Thị Phương D đã về nhà mẹ tại phường H, TP Đà Nẵng sống, người nào chỉ biết bổn phận người đó, hai vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Đến thời điểm hiện tại nhận thấy hai vợ chồng không thể hòa hợp được nữa, bản thân ông Trần Ngọc V cũng không còn tình cảm gì đối với bà Nguyễn Thị Phương D, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Ngọc V đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Ông Trần Ngọc V khai nhận có 02 con chung là Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013.

Quá trình vợ chồng không sống chung thì 02 con chung ở với bà Nguyễn Thị Phương D; bà D có nguyện vọng nuôi 02 con và các con đều có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ nên nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Trần Ngọc V thống nhất giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 4.000.000 đồng/01 tháng (2.000.000 đồng/01 con/01 tháng) từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Quá trình giải quyết ông Trần Ngọc V bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 56 tại Lô S Khu B thuộc khu phố số D - Khu đô thị M cầu T, phường K, quận N, TP Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 084581 do UBND thành phố Đ cấp cho Công ty Cổ phần Đ ngày 17.6.2008; chỉnh lý biến động cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D ngày 13/5/2009); xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại City, biển kiểm soát 43A-204.09 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Phương D số 022844 ngày 23/5/2016). Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Ngọc V rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Trần Ngọc V không yêu cầu Tòa án giải quyết nợ chung.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại Đơn đề nghị ngày 16.7.2025, Đơn đề nghị ngày 20.8.2025 và Bản ý kiến ngày 09.9.2025 bà Nguyễn Thị Phương D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng (nay UBND phường H, TP Đà Nẵng), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc nhưng hiện nay phát sinh mâu thuẫn do có quan niệm khác biệt về việc nuôi dạy con cái và công việc, gia đình. Nay ông V khởi

kiện ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Phương D đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo yêu cầu của ông V.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị Phương D khai nhận có 02 con chung là Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013.

Hai cháu có nguyện vọng ở với mẹ và ông Trần Ngọc V có nguyện vọng cấp dưỡng hằng tháng cho mỗi cháu là 2.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Phương D đồng ý với yêu cầu của ông V và đề nghị Tòa án chấp nhận giao 02 con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng và ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi 02 con học xong đại học.

- Về quan hệ chia tài sản chung: Ông Trần Ngọc V rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu chia tài sản chung thì bà Nguyễn Thị Phương D thống nhất và không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung.

- Về quan hệ nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương D xác định vợ chồng có nợ chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn – bà Nguyễn Thị Phương D là ông Nguyễn Tấn P – Luật sư Công ty L nhìn pháp lý trình bày:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương D tại Đơn đề nghị ngày 16.7.2025, Đơn đề nghị ngày 20.8.2025 và Bản ý kiến ngày 09.9.2025, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận thống nhất ly hôn giữa ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D.

- Về quan hệ con chung: Đề nghị giao bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013. Ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng/01 cháu cho đến khi 02 con học xong đại học.

- Về quan hệ chia tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay Thẩm phán, HĐXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, việc giải quyết vụ án được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại BLTTDS, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Quá trình tòa án thụ lý giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã có ý kiến trình bày quan điểm của mình và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS.

- Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông Trần Ngọc V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương D; giao bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013, ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/01 con chung/01 tháng; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Phương D; về nợ chung ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn ông Trần Ngọc V với bị đơn bà Nguyễn Thị Phương D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bà Nguyễn Thị Phương D vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Phương D.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị Phương D thì thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D đăng ký kết hôn ngày 06/9/2007 tại UBND phường H, quận H, TP Đà Nẵng (nay là UBND phường H, TP Đà Nẵng) theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109, quyển số 01, hôn nhân tự nguyện. Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D đều thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm và không còn sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất ly hôn.

HĐXX xét thấy, qua xác minh thì chính quyền địa phương nơi ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D sống chung xác nhận vợ chồng ông V và bà D không còn sống chung là sự thật. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D về tình trạng hôn nhân của hai vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Ngọc V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D thống nhất có 02 con chung là Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013.

HĐXX xét thấy, các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ; bà Nguyễn Thị Phương D là người đang trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con nên việc thay đổi môi trường sống của các cháu là không cần thiết. Đồng thời, ông Trần Ngọc V thống nhất với nguyện vọng của bà Nguyễn Thị Phương D về việc tiếp tục giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng, chăm sóc. Do đó, HĐXX giao 02 con chung Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009, Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Ông Trần Ngọc V không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Về mức cấp dưỡng, ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D thống nhất ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000 đồng/01 tháng (2.000.000 đồng/01 con/01 tháng) là phù hợp với Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình 2014 nên HĐXX chấp nhận. Về thời hạn cấp dưỡng, bà Nguyễn Thị Phương D yêu cầu cấp dưỡng đến khi 02 con chung học xong đại học nhưng ông Trần Ngọc V không thống nhất, HĐXX xét thấy:

Đối với thời điểm bắt đầu nghĩa vụ cấp dưỡng thì theo khoản 1 Điều 482 của BLTTDS năm 2015 quy định *"Những bản án, quyết định sau đây của Tòa án cấp sơ thẩm được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị: a) Bản án, quyết định về cấp dưỡng…"*. Tại phiên tòa, ông Trần Ngọc V đề nghị bắt đầu nghĩa vụ cấp dưỡng từ tháng 9/2025 là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Đối với thời điểm kết thúc nghĩa vụ cấp dưỡng thì theo Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình 2014 quy định *"Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên…"*. Do đó, việc bà Nguyễn Thị Phương D yêu cầu ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi 02 con học xong đại học là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không có cơ sở chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên, ông Nguyễn Ngọc V1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về quan hệ chia tài sản chung: Quá trình giải quyết ông Trần Ngọc V bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 64, tờ bản đồ số 56 tại Lô S Khu B thuộc khu phố số D - Khu đô thị M cầu T, phường K, quận N, TP Đà Nẵng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 084581 do UBND thành phố Đ cấp cho Công ty Cổ phần Đ ngày 17.6.2008; chỉnh lý biến động cho ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D ngày 13/5/2009); xe ô tô nhãn hiệu Honda, số loại City, biển kiểm soát 43A-204.09 (Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị Phương D số 022844 ngày 23/5/2016). Tại phiên tòa hôm

nay, ông Trần Ngọc V rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung. Việc ông Trần Ngọc V rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự HĐXX chấp nhận.

[2.4] Về nợ chung: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nếu sau này ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu có yêu cầu.

[3] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là luật sư Nguyễn Tấn P phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Riêng ý kiến về việc yêu cầu ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho đến khi 02 con chung học xong đại học là không có cơ sở nên HĐXX không chấp nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Ngọc V phải chịu.

- Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Ngọc V phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V đối với bà Nguyễn Thị Phương D về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Trần Ngọc V được ly hôn bà Nguyễn Thị Phương D.

2. Về quan hệ con chung:

Giao 02 con chung Trần Phương Minh C – sinh ngày 15/4/2009 và Trần Ngọc Nam P1 – sinh ngày 05/6/2013 cho bà Nguyễn Thị Phương D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Trần Ngọc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng)/01 tháng (2.000.000 đồng/01 con/01 tháng). Thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 9/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các bên đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ chia tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc V về việc chia tài sản chung khi ly hôn đối với bà Nguyễn Thị Phương D.

4. Về nợ chung: Ông Trần Ngọc V và bà Nguyễn Thị Phương D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

1. Án phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Trần Ngọc V phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0005613 ngày 04.6.2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Trần Ngọc V phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

3. Hoàn trả cho ông Trần Ngọc V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm yêu cầu chia tài sản chung đã nộp là 6.250.000 đồng (Sáu triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001477 ngày 05.8.2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

III. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đà Nẵng;
- UBND phường Hòa Cường, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Trinh